Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp - CTCP (HSX: BCM)

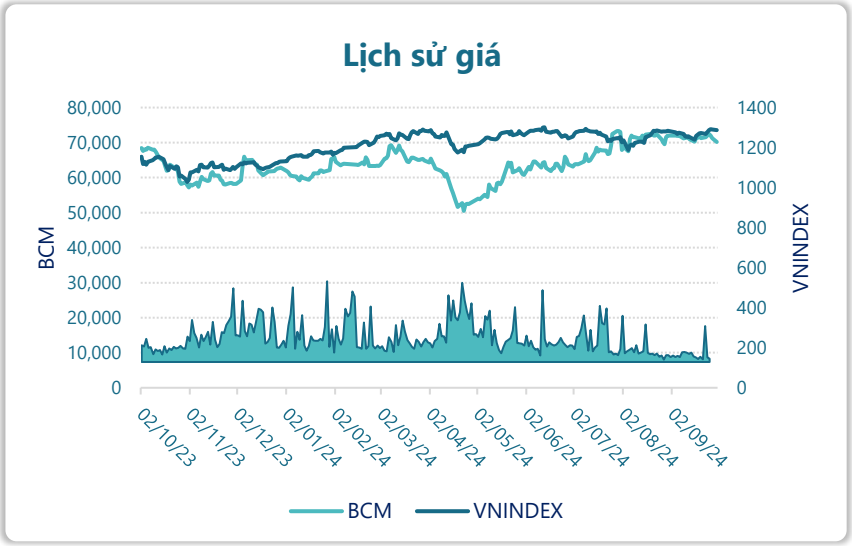

Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**70,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	73,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	50,500
SL cổ phiếu LH	1,035,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	423,010
% sở hữu nước ngoài	1.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	72,657
P/E	26.1
EPS	2,693

DT thuần

Q3/24

1,228

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 72.0| 6.2%

YoY: ▲ 101| 8.9%

LN sau thuế

Q3/24

363

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 76.0| 26.5%

YoY: ▲ 147| 68.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

58.7%

+/- YoY: ▲ 21.7%

DT thuần

9T 2024

3,195

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 183| 6.1%

LN sau thuế

9T 2024

769

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 504| 191%

ROE

Q3/24

14.7%

+/- YoY: ▲ 12.2%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

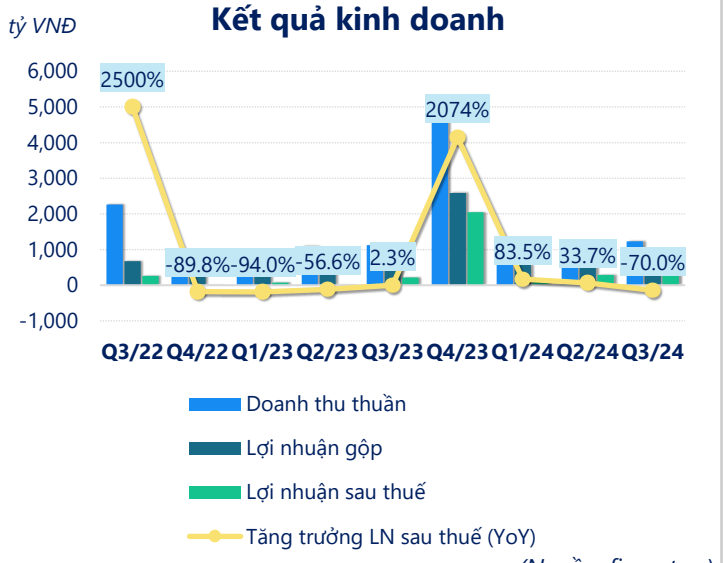

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

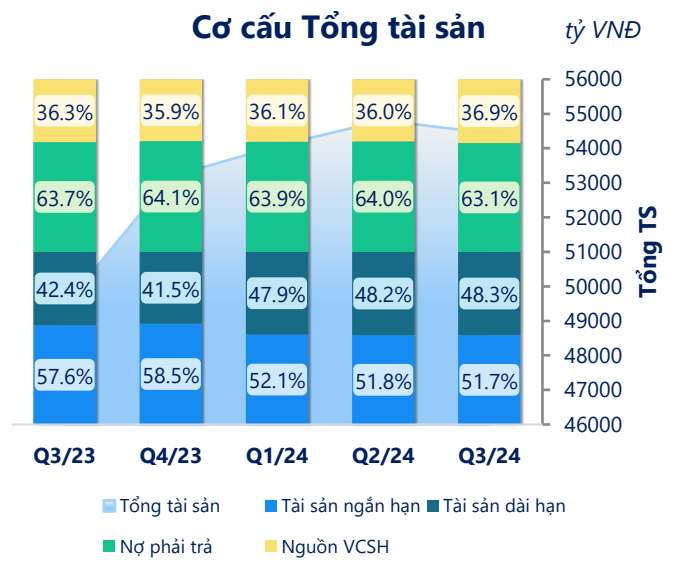

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

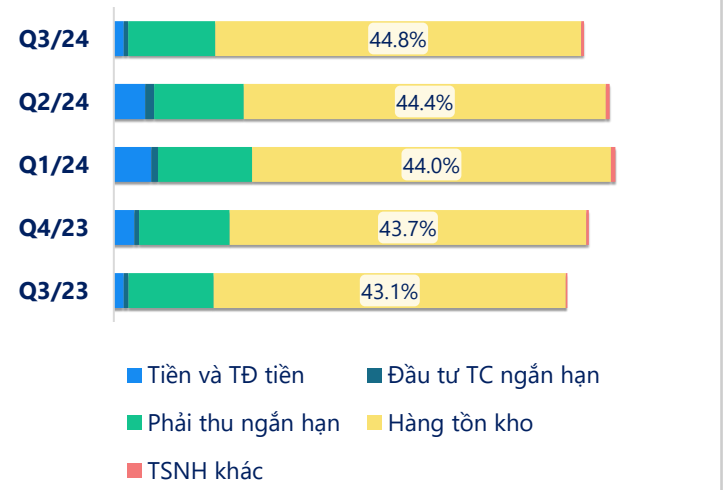

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

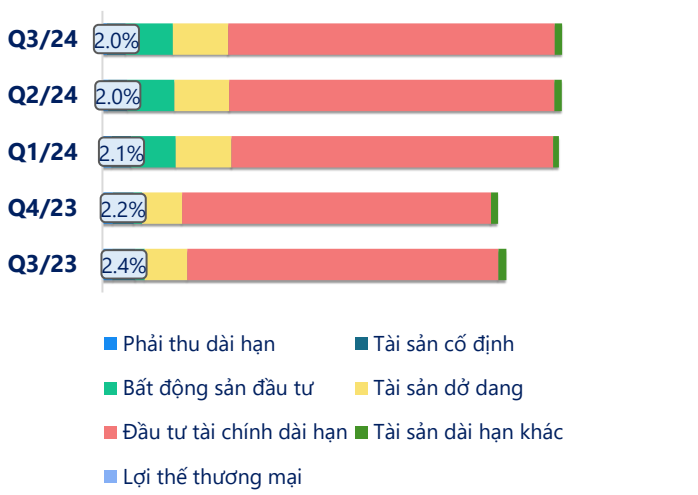

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

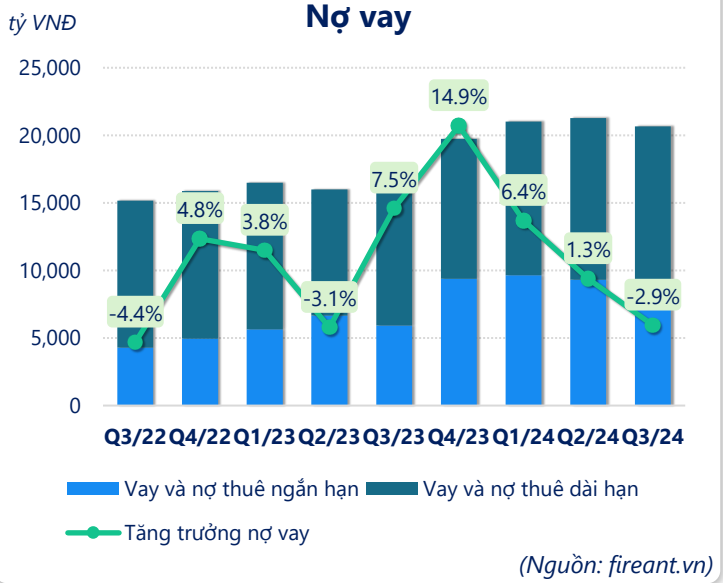

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

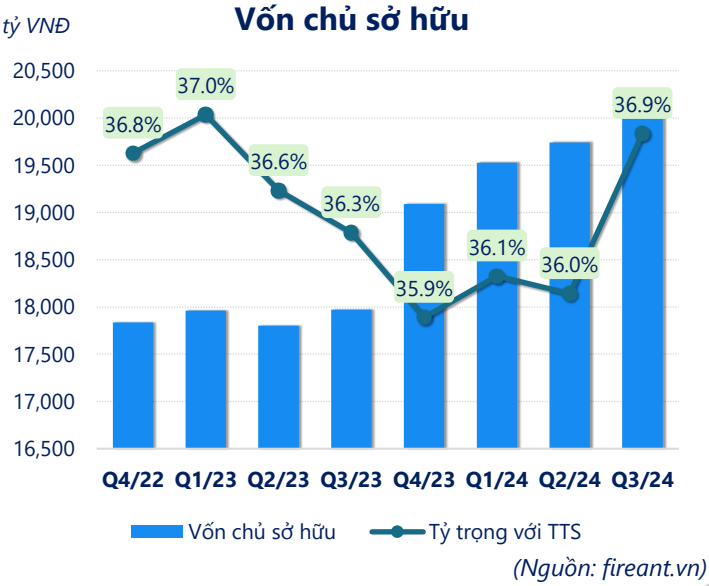

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

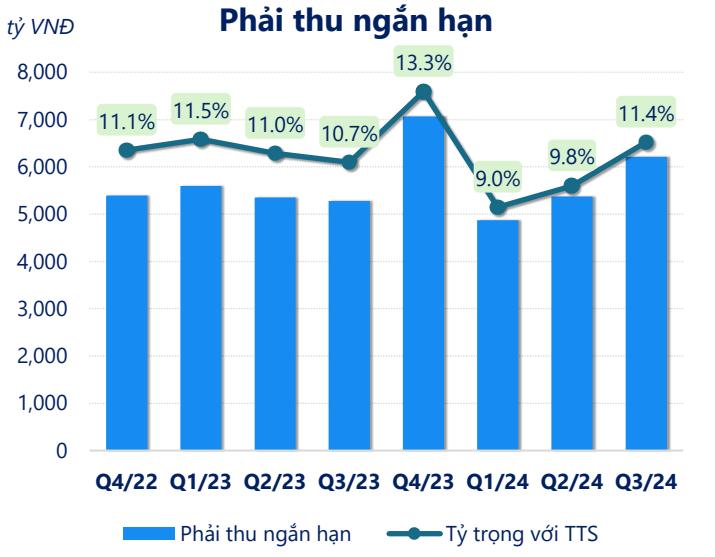

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

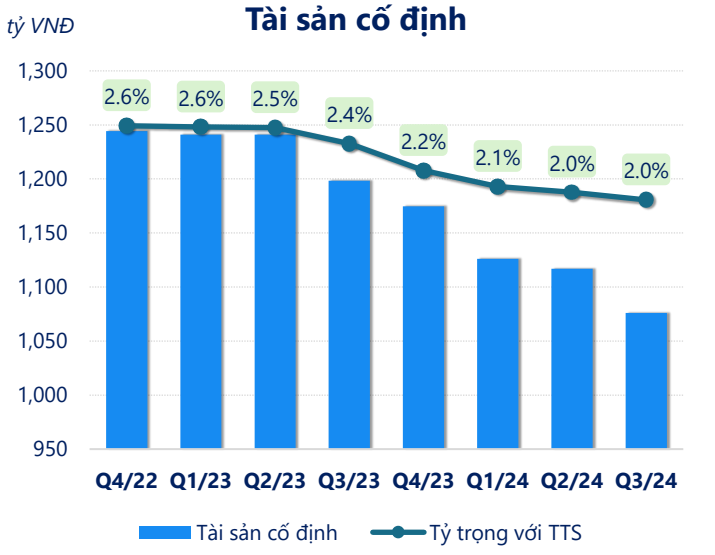

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

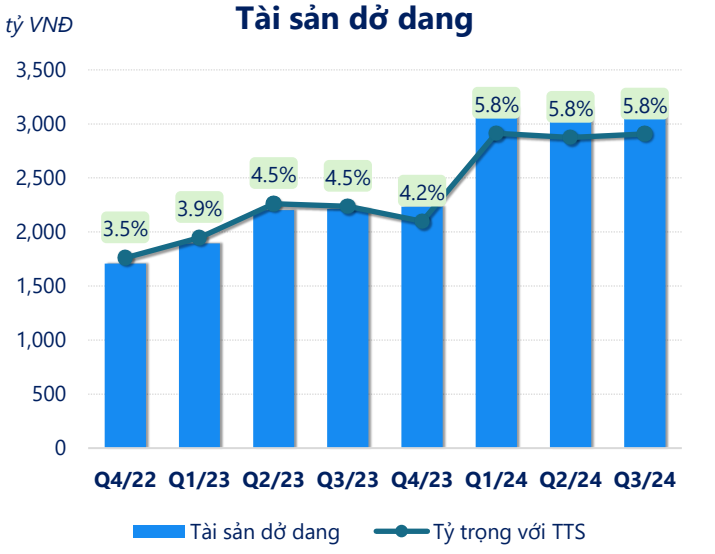

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

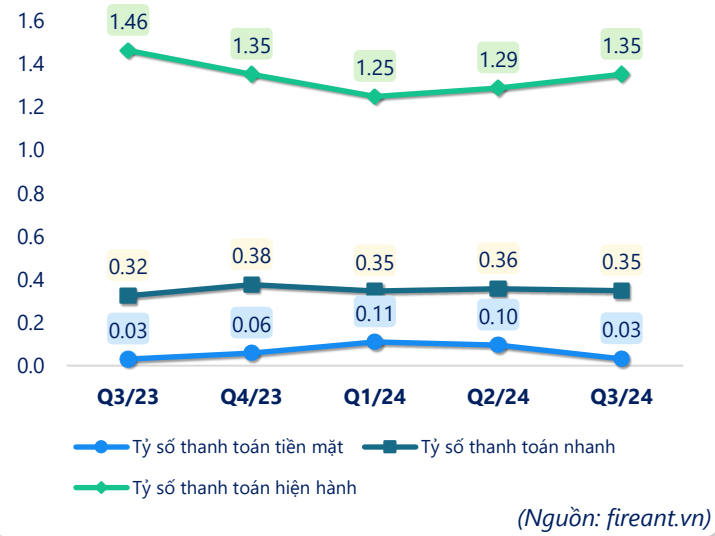

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

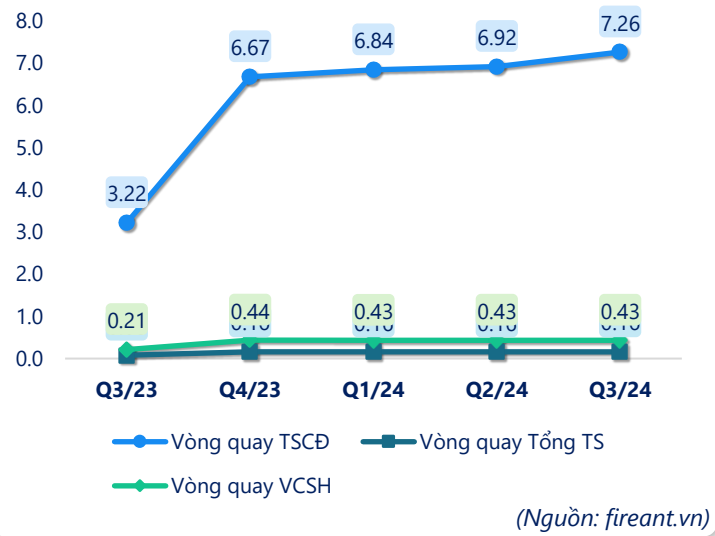

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**49,454**	**53,180**	**54,069**	**54,806**	**54,441**
Tài sản ngắn hạn	**28,482**	**31,086**	**28,161**	**28,367**	**28,158**
Tiền và tương đương tiền	593	1,332	2,480	2,096	663
Đầu tư tài chính ngắn hạn	265	87.3	230	269	280
Phải thu ngắn hạn	5,277	7,067	4,869	5,369	6,213
Hàng tồn kho	22,166	22,448	20,348	20,517	20,903
Tài sản ngắn hạn khác	181	151	234	117	99.1
Tài sản dài hạn	**20,972**	**22,094**	**25,909**	**26,439**	**26,283**
Phải thu dài hạn	521	572	517	324	261
Tài sản cố định	1,198	1,175	1,126	1,117	1,076
Bất động sản đầu tư	480	476	2,525	2,706	2,696
Tài sản dở dang	2,213	2,233	3,150	3,152	3,164
Đầu tư tài chính dài hạn	16,156	17,245	18,265	18,715	18,668
Tài sản dài hạn khác	404	394	326	425	419
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**31,481**	**34,091**	**34,543**	**35,065**	**34,370**
Nợ ngắn hạn	**19,479**	**22,998**	**22,551**	**22,022**	**20,843**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,923	9,384	9,638	9,324	8,228
Phải trả người bán ngắn hạn	708	739	574	528	570
Nợ dài hạn	12,002	11,094	11,991	13,043	13,527
Vay và nợ thuê dài hạn	11,263	10,354	11,370	11,950	12,437
Nguồn vốn chủ sở hữu	**17,973**	**19,089**	**19,526**	**19,741**	**20,071**
Vốn chủ sở hữu	**17,973**	**19,089**	**19,526**	**19,741**	**20,071**
Vốn điều lệ	10,350	10,350	10,350	10,350	10,350
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)